

HÀNH VI BẦU CỬ NHÌN TỪ CÁC CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG VÀ BẦU CỬ QUỐC HỘI MỸ

ThS. Lưu Văn Quảng

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Trong nền chính trị Mỹ, nhân tố bầu cử giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Hàng năm, các cử tri Mỹ tham gia vào rất nhiều cuộc bầu cử để bầu ra các quan chức chính phủ khác nhau. Một câu hỏi được đặt ra là tại sao người dân đi bỏ phiếu và họ đã bỏ phiếu như thế nào? Đây là căn cứ để cử tri bỏ phiếu cho đảng này hay đảng khác, ứng cử viên này hay ứng cử viên khác? Để góp phần trả lời câu hỏi trên, bài viết xin đưa ra một số giải thích về hành vi bầu cử của cử tri trong các cuộc bầu cử Tổng thống và bầu cử Quốc hội Mỹ.

Tại sao người dân đi bầu và không đi bầu?

Nhiều người thường nghĩ rằng, ở những nước tư bản có trình độ phát triển cao, người dân sẽ rất quan tâm đến chính trị nói chung và bầu cử nói riêng. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là ở Mỹ, tỷ lệ cử tri tham gia vào các cuộc bầu cử lại tương đối thấp. Trong các cuộc bầu cử tổng thống gần đây, chỉ có khoảng trên dưới 50% số cử tri Mỹ đủ tư cách đi bầu. Và nhìn chung, trong lịch sử chính trị Mỹ, tỷ lệ cử tri đi bầu chưa bao giờ cao (cuộc bầu cử Tổng thống năm 1960 được coi là năm có tỷ lệ người đi bầu cao nhất cũng chỉ đạt con số 63%). Trong các cuộc bầu

cử không phải là bầu cử tổng thống hay bầu cử quốc hội, số người đi bầu còn thấp hơn rất nhiều.

Tại sao người Mỹ lại ít quan tâm đến bầu cử? Sự lãnh cảm chính trị là một lý do. Có đến hơn một nửa số người tẩy chay bầu cử trả lời rằng, họ không quan tâm hoặc không hài lòng với các ứng cử viên. Nhiều người cảm thấy lá phiếu của họ chẳng tạo ra một sự khác biệt đáng kể nào, nên việc họ có đi bầu hay không cũng vậy thôi; thậm chí có người còn cho rằng, chẳng ứng cử viên nào là thực sự thích hợp.

Một lý do khác mà các cử tri đưa ra là hai đảng lớn ở Mỹ không đưa ra được những chính sách khác nhau một cách rõ ràng; cả hai đảng đều có khuynh hướng dịch chuyển vào các vị trí trung tâm, giành giật lá phiếu của các cử tri trung dung. Hơn nữa, sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng với những quảng cáo chính trị phản cảm cũng khiến cho cử tri thất vọng với cả hai đảng và họ quyết định không đi bầu.

Tình trạng cử tri đi bầu thấp tại Mỹ đã làm nảy sinh những tranh cãi giữa các nhà nghiên cứu. Một số người nhìn nhận sự suy giảm tỷ lệ cử tri đi bầu là đáng báo động, vì sự tham gia thấp có nghĩa rằng, có rất nhiều người Mỹ đang tự tách mình ra khỏi đời

sống chính trị, và điều này làm cho chính phủ mất đi tính chính đáng và uy quyền của nó. Theo cách lập luận của những ý kiến lạc quan hơn, tình trạng trên là do người Mỹ về cơ bản đã hài lòng với hệ thống hiện có, bởi vì trên thực tế, ở những nước có tỷ lệ người đi bầu cao có thể họ đang phải đối mặt với những căng thẳng về mặt chính trị.⁽¹⁾

Trong một tác phẩm khá nổi tiếng, *Một lý thuyết kinh tế về dân chủ* (An Economic Theory of Democracy), Anthony Downs đã đưa ra một kết luận quan trọng: người dân sẽ đi bầu cử nếu như phần lợi nhuận thu được nhiều hơn chi phí mà họ bỏ ra.⁽²⁾ Những chi phí để tìm kiếm thông tin về các ứng cử viên và các đảng chính trị cũng có ảnh hưởng đến việc một người có đi bầu hay không. Giá bán của một tờ báo, việc phải “hy sinh” các chương trình truyền hình ưa thích để chuyển sang kênh tin tức theo dõi tình hình tranh cử, chi phí thời gian cho một cuộc mít tinh chính trị, tất cả được quy về những chi phí cần thiết để người ta cân nhắc.

Ngoài ra, có rất nhiều lý do khác khiến cho một người đi bỏ phiếu. Sự trung thành sâu sắc đối với một đảng chính trị nào đó, lời khuyên của một người bạn, sự yêu thích hoặc định kiến đối với một ứng cử viên cụ thể, cảm giác về một vấn đề... đều có thể có một ảnh hưởng nhất định đến quyết định đi bỏ phiếu của cử tri.

Các cử tri quyết định bỏ phiếu như thế nào?

Không ai có thể dự đoán một cách chính xác tuyệt đối xem các cử tri sẽ bỏ phiếu như thế nào trong các cuộc bầu cử. Nhưng bằng việc sử dụng cách phân loại xã hội học, người ta có thể dự đoán được *khuyến hướng* những

đối tượng cử tri nào sẽ bỏ phiếu cho các đảng hoặc các ứng cử viên nào. Một người Mỹ không đi bầu điển hình là một phụ nữ trẻ có chồng là một công nhân cổ xanh, có học vấn thấp, sống ở nông thôn. Một cử tri điển hình tham gia bầu cử ở Mỹ là một người đàn ông trung niên, tốt nghiệp đại học, làm việc trong một văn phòng, sống ở thành phố, tự coi mình là cử tri của một đảng chính trị. Với một vài phác họa chân dung những người đi bầu và không đi bầu như vậy, người ta có thể đưa ra một số yếu tố cụ thể có ảnh hưởng quan trọng đến hành vi bỏ phiếu của một người: đó là sự trung thành đảng phái, giai cấp xã hội, mức độ giáo dục, chủng tộc, tôn giáo, độ tuổi, giới tính và khu vực cư trú...

Sự trung thành đảng phái

Sự xác định tính đảng là khuyến hướng mà một người tự gắn kết bản thân mình với một đảng nào đó trong nhiều năm. Một người xác định tính đảng mạnh thường bỏ phiếu cho đảng mà mình ủng hộ mà không băn khoăn về bất cứ điều gì. Còn một người xác định tính đảng yếu đôi khi có thể bị dao động và chuyển sự ủng hộ sang cho ứng cử viên của một đảng khác. Những người không xác định tính đảng một cách rõ ràng thì lá phiếu của họ có thể thay đổi theo mỗi cuộc bầu cử.

Mặc dù trong các thập kỷ gần đây người ta chứng kiến một sự suy giảm mạnh mẽ trong việc ủng hộ các đảng chính trị từ phía các cử tri Mỹ, nhưng việc xác định tính đảng của cử tri đối với một đảng cụ thể nào đó vẫn có ý nghĩa quan trọng đối với hành vi bỏ phiếu của anh ta.⁽³⁾ Phần lớn người dân vẫn bỏ phiếu dựa trên cơ sở lòng trung thành truyền thống với một đảng chính trị. Sự gắn bó với một đảng chính trị là một biến số có tác động dài hạn tới

hành vi bầu cử của cử tri. Nó ảnh hưởng đến cách thức mà một người sẽ bỏ phiếu cho một đảng nào đó trong suốt cuộc đời anh ta.

Tuy nhiên, cũng có những biến số mang tính ngắn hạn khiến cho một người trong các cuộc bầu cử thường bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ, nhưng có thể ở một cuộc bầu cử khác anh ta lại "đảo ngũ" bỏ phiếu cho Đảng Cộng hoà. Sự ưa thích một ứng cử viên cụ thể hoặc một vấn đề cụ thể nào đó có thể làm thay đổi lá phiếu của cử tri trong một cuộc bầu cử mặc dù lòng trung thành đảng phái của anh ta không hề suy giảm.

Yếu tố giai cấp - xã hội

Các nhà khoa học chính trị Mỹ cũng đã nhận thức rằng, giai cấp xã hội là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến hành vi bầu cử của cử tri. Trong các cuộc bầu cử tổng thống và bầu cử quốc hội, những công nhân lao động chân tay có xu hướng bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ trong khi các nhà chuyên môn, các nhà kinh doanh lớn thường ủng hộ các ứng cử viên của Đảng Cộng hoà. Những người có mức thu nhập càng thấp thì càng có xu hướng bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ, những người có mức thu nhập càng cao thì càng bỏ phiếu cho Đảng Cộng hoà. Trong cuộc bầu cử Hạ viện năm 1998, 57% cử tri có thu nhập dưới 15.000 USD/năm (loại thấp) đã bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ trong khi chỉ có 39% số đối tượng này ủng hộ Đảng Cộng hoà; ngược lại, chỉ 44% số cử tri có thu nhập trên 100.000 USD/năm (loại cao) ủng hộ cho Đảng Dân chủ trong khi số cử tri ủng hộ Đảng Cộng hoà trong nhóm này lên tới 53%.⁽⁴⁾

Tuy nhiên, trên thực tế cũng có những vấn đề nảy sinh: một số người thuộc giai cấp công nhân lại tự coi

mình là tầng lớp trung lưu - do truyền thống gia đình hoặc do nhận thức cá nhân - đã bỏ phiếu cho Đảng Cộng hoà. Trái lại, một số người thuộc tầng lớp trung lưu hoặc thượng lưu do có xuất thân từ dân lao động hoặc sự nhận thức cá nhân, đã thường bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ. Sự giao thoa hai chiều này - tầng lớp lao động ủng hộ đảng bảo thủ và tầng lớp trung lưu lại hậu thuẫn cho đảng có tư tưởng tự do - đã làm loãng đi tình trạng bỏ phiếu theo giai cấp xã hội đến mức nó gần như bị bão hoà trong một số cuộc bầu cử ở Mỹ. Chỉ trong những thời điểm nền kinh tế của đất nước lâm vào tình trạng khó khăn thì việc bỏ phiếu theo giai cấp xã hội có thể lại xuất hiện như là một trong những nhân tố chính yếu quyết định hành vi bầu cử của cử tri.

Trình độ học vấn

Thông thường, trình độ học vấn của cử tri Mỹ có liên quan một cách mật thiết với yếu tố giai cấp xã hội. Nhìn chung, những người có trình độ học vấn càng cao thì càng có nhiều thông tin về các vấn đề chính trị. Một người đã có thông tin thì lại có nhu cầu biết thêm những thông tin mới và sắp xếp chúng thành những vấn đề có ý nghĩa nào đó. Những người có trình độ học vấn thấp thì không những không có thông tin, mà còn thiếu khả năng gạn lọc và kết nối các thông tin đã có.

Thực tế là ở Mỹ, con em của các gia đình khá giả hơn thường có trình độ học vấn cao hơn, và những người có điều kiện để học tập tốt hơn lại đảm nhiệm những vị trí công việc được nhận mức lương cao hơn.

Những người có trình độ học vấn cao thường có tư tưởng tự do hơn trong các vấn đề phi kinh tế, nhưng họ lại bảo thủ hơn trong các vấn đề liên quan đến kinh tế. Các cử tri có

trình độ đại học trở lên có xu hướng khoan dung hơn, ủng hộ các quyền dân sự và chấp nhận các loại quan điểm khác nhau. Nhưng khi đề cập đến vấn đề kinh tế, nhiều người trong số này lại tỏ ra hoài nghi khả năng phân phối lại thu nhập thông qua việc đánh thuế nặng những người có mức thu nhập cao và thực hiện chính sách phúc lợi xã hội đối với những người nghèo. Chắc chắn trên thực tế nhiều người có trình độ giáo dục cao đã thể hiện tư tưởng tự do đối với cả vấn đề kinh tế và xã hội, nhưng ở Mỹ hiện tượng đó không phải là phổ biến.

Có một mối quan hệ rất rõ nét giữa trình độ giáo dục của một người với mức độ tham gia của anh ta vào đời sống chính trị nói chung và vào các hoạt động bầu cử nói riêng. Những người có trình độ giáo dục càng cao thì càng tích cực tham gia vào chính trị. Trong các cuộc bầu cử, họ là những cử tri thường xuyên đi bầu; trước bầu cử họ là người tham gia vào các chiến dịch vận động tranh cử để ủng hộ cho một đảng hay một ứng cử viên cụ thể nào đó; họ cũng là những người tiếp xúc, chất vấn, đề đạt nhiều hơn đối với các ứng cử viên so với các cử tri bình thường khác. Còn những người có trình độ học vấn thấp thường ít quan tâm hoặc không quan tâm đến chính trị và những người không tham gia bầu cử thường nằm ở nhóm đối tượng này.

Nhóm sắc tộc

Yếu tố sắc tộc thường có liên quan tới các yếu tố tôn giáo và khu vực, nhưng vai trò của nó dễ nhận thấy hơn, đặc biệt là ở một quốc gia đa sắc tộc như Mỹ. Nước Mỹ thường được ví như là “chiếc nồi hầm nhừ” (melting pot), sẵn sàng đón nhận tất cả các nhóm nhập cư thuộc đủ các màu da, sắc tộc, tôn giáo khác nhau, nhưng

những nghiên cứu gần đây cho thấy, sự tham gia chính trị và các hành vi bầu cử của các nhóm này cũng có những đặc trưng riêng. Những người gốc Anglo-Saxon da trắng và những người có nguồn gốc từ các nước Bắc Âu nhìn chung là những người có khuynh hướng bảo thủ và thường là cử tri của Đảng Cộng hoà, trong khi những người có nguồn gốc từ Nam và Đông Âu, những người Mỹ gốc Phi, gốc Tây Ban Nha và gốc Á là những người có tư tưởng tự do hơn, và họ thường là cử tri ủng hộ Đảng Dân chủ.

Cách phân loại trên không phải bao giờ cũng đúng đối với từng cá nhân và từng nhóm người cụ thể do sự vận động phức tạp của các quan tâm chính trị và trên thực tế chính trị dựa trên yếu tố sắc tộc cũng đã có những thay đổi mạnh mẽ trong nhiều thập kỷ qua. Chẳng hạn, sau thời gian nội chiến, hầu hết những người da đen là những người thuộc phái Cộng hoà ủng hộ cho đảng của Tổng thống Lincoln. Khi Tổng thống Franklin Roosevelt thực hiện *Chính sách kinh tế mới* (New Deal), hầu hết người da đen lại trở thành những người Dân chủ và sự gắn bó này tiếp tục được duy trì cho đến tận ngày nay. Trong những năm cuối thế kỷ XIX, hầu hết người Do thái ủng hộ Đảng Cộng hoà vì Đảng này chỉ trích một cách mạnh mẽ các chính sách bài Do thái ở một số quốc gia châu Âu. Khi dòng người Do thái nhập cư được Đảng Dân chủ chào đón và giúp đỡ thì họ lại trở thành các cử tri của Đảng Dân chủ. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, có rất nhiều người Do thái bị ảnh hưởng của thuyết *tân bảo thủ*. Điều này đồng nghĩa với việc họ trở thành cử tri ủng hộ các ứng cử viên của Đảng Cộng hoà.

Nhìn chung, chính trị sắc tộc là một vấn đề hết sức phức tạp và nó

đường như là một yếu tố rất động trong sự vận động của chính trị Mỹ hiện đại. Những đặc trưng của vấn đề sắc tộc cũng là những chỉ dẫn quan trọng đối với các nhà chính trị khi họ thiết kế chiến lược vận động tranh cử của mình.

Yếu tố khu vực

Nước Mỹ được chia ra thành các vùng miền khác nhau. Mỗi khu vực lại có những đặc trưng địa lý và những sắc thái riêng. Điều này cũng có một sự ảnh hưởng nào đó đối với các hành vi chính trị của những người dân sống tại các khu vực. Các quan sát thực nghiệm cho thấy, cử tri tại các bang miền Nam trong suốt nhiều thập kỷ được biết đến như những người ủng hộ mạnh mẽ cho các ứng cử viên của Đảng Dân chủ, mặc dù cho đến nay sự ủng hộ đó không còn nữa, và từ những năm 1980 lòng trung thành khu vực này đã có sự thay đổi, miền Nam ngày nay lại trở thành khu vực ủng hộ mạnh mẽ cho Đảng Cộng hoà; và các bang ở miền Đông từng là căn cứ của Đảng Cộng hoà thì nay lại là địa bàn hoạt động của Đảng Dân chủ.

Một trong những vấn đề đáng quan tâm của việc bỏ phiếu theo khu vực là sự khác biệt giữa khu vực đô thị và khu vực ngoại vi. Các cử tri ở các thành phố lớn thường là cử tri của Đảng Dân chủ có quan điểm tự do hơn. Điều này được giải thích là vì số lượng công nhân tập trung khá đông tại các thành phố do ở đây có nhiều nhà máy lớn. Hơn nữa, các thành phố cũng là các trung tâm giáo dục, nơi cư trú của các trí thức ủng hộ tư tưởng tự do. Trong khi đó vùng nông thôn và khu vực ngoại vi là nơi duy trì các giá trị bảo thủ và họ thường bỏ phiếu cho Đảng Cộng hoà.

Yếu tố tôn giáo

Tôn giáo là vấn đề khá nhạy cảm trong chính trị, nó cũng là một yếu tố

quan trọng định hình quan điểm của cử tri trong các cuộc bầu cử ở Mỹ. Tôn giáo được nói tới ở đây với hai nghĩa: việc theo các tôn giáo và mức độ mộ đạo của người dân. Những tín đồ Thiên chúa giáo, đặc biệt là những tín đồ gốc Ba Lan nổi tiếng là những cử tri trung thành với Đảng Dân chủ.⁽⁵⁾

Trong những thập kỷ trước đây, khi dòng người di cư đang đổ về Mỹ thì giới lãnh đạo của Đảng Dân chủ tại các thành phố lớn đã sẵn sàng giúp đỡ các đối tượng đến từ các quốc gia Thiên chúa giáo, và do vậy, những người này, và sau đó là con cháu họ, đã trở thành những cử tri của Đảng Dân chủ. Trong suốt một thời gian dài, người ta gần như không tin rằng một người theo Thiên chúa giáo lại có thể trở thành một Tổng thống của nước Mỹ. Cho đến năm 1960 khi ứng cử viên John Kenedy của Đảng Dân chủ thắng cử thì mối hoài nghi này mới bị loại bỏ. Một số cử tri là tín đồ Thiên chúa giáo và tín đồ Tin lành chính thống cùng có một mối quan tâm chung là đấu tranh chống lại tình trạng nạo phá thai tại Mỹ - một vấn đề khá nhạy cảm trong các cuộc vận động tranh cử Tổng thống gần đây. Nhìn chung, trong các cuộc bầu cử, những người theo Thiên chúa giáo và Do thái giáo thường bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ trong khi những người theo đạo Tin lành bỏ phiếu cho Đảng Cộng hoà.

Độ tuổi

Thông thường có hai cách để đo lường độ tuổi liên quan đến quan điểm chính trị: theo trật tự thời gian và theo thế hệ. Nhiều người thường coi thanh niên Mỹ là những người có tư tưởng cấp tiến, sẵn sàng thay đổi hệ thống và thay đổi các quan điểm về giá trị, trong khi những người lớn tuổi hơn thì thường có quan điểm trung

dung, thậm chí là bảo thủ đối với các vấn đề xã hội. Nhưng nhận định trên không hoàn toàn chính xác vì cử tri Mỹ thường tuân theo những định hướng chính trị mà họ có từ lúc còn trẻ. Những thanh niên đã từng tham gia các hoạt động chính trị trong thời kỳ *Đại suy thoái* có xu hướng ủng hộ cho Đảng Dân chủ trong suốt cuộc đời mình. Tương tự như vậy, Đảng Cộng hoà hy vọng những tình cảm đối với Tổng thống Reagan trong các cử tri trẻ thời kỳ những năm 1980 sẽ tiếp tục ủng hộ họ trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, mỗi nhóm tuổi cũng có những phản ứng khác nhau đối với tình hình kinh tế của đất nước. Nhiều cử tri trẻ cảm thấy rằng, các chính sách phát triển của Đảng Cộng hoà sẽ tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn và do đó họ có thể bỏ phiếu cho Đảng này, trong khi một số cử tri hưu trí lại tỏ ra lo ngại khi Đảng Cộng hoà chủ trương cắt giảm các chương trình an sinh xã hội vốn ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của họ, và họ có thể chuyển hướng ủng hộ cho Đảng Dân chủ. Trong cả hai trường hợp trên, cử tri có thể đã từ bỏ sự trung thành Đảng phái truyền thống của mình để ưu tiên bỏ phiếu cho những vấn đề ngắn hạn trước mắt trực tiếp ảnh hưởng đến cuộc sống của họ.

Giới tính

Theo truyền thống thì phụ nữ Mỹ, đặc biệt là những người sống tại các khu vực theo đạo Thiên chúa, có khuynh hướng bảo thủ hơn so với nam giới. Họ là những người quan tâm nhiều hơn đến gia đình và các giá trị đạo đức. Nhưng trong xã hội Mỹ hiện đại, khoảng cách giới trong chính trị đã dần được thu hẹp, người phụ nữ không chỉ là những bà nội trợ mà họ đã tham gia ngày càng sâu rộng vào đời sống chính trị. Sự nhận thức về

các vấn đề kinh tế, xã hội của phụ nữ cũng ngày càng cao và ít bị ảnh hưởng bởi quan điểm chính trị từ phía người chồng. Do vậy, họ cũng không còn là những người bảo thủ theo cách hiểu truyền thống nữa. Trong các cuộc bầu cử tổng thống và bầu cử quốc hội thì phụ nữ có xu hướng ủng hộ Đảng Dân chủ hơn là Đảng Cộng hoà, và ngược lại nhiều đàn ông ủng hộ Đảng Cộng hoà hơn là Đảng Dân chủ. Trong cuộc bầu cử hạ viện Mỹ năm 1998, có 51% phụ nữ bỏ phiếu cho các ứng cử viên của Đảng Dân chủ trong khi 46% ủng hộ cho các ứng cử viên của Đảng Cộng hoà; cũng trong cuộc bầu cử này chỉ có 45% nam giới bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ và 52% bỏ phiếu cho Đảng Cộng hoà.⁽⁶⁾ Hơn nữa, những phụ nữ trẻ có học vấn cao thường là cử tri của Đảng Dân chủ nhiều hơn là những phụ nữ lớn tuổi. Phụ nữ cũng có xu hướng ủng hộ các chương trình phúc lợi xã hội, ủng hộ việc nạo phá thai của Đảng Dân chủ và phản đối việc tăng ngân sách cho các chương trình quốc phòng của Đảng Cộng hoà ■

Chú thích:

- (1) Xem Micheal G. Roskin, Robert L. Cord, James A. Medeiros, Walter S. Jones, Political Science - An introduction, Copyright 1991 by Prentice-Hall, Inc. page 235.
- (2) Anthony Down, An Economic Theory of Democracy, Copyright 1957 by Harper&Row, page 260-75
- (3) Xem Gary C. Jacobson, The Politics of Congressional Elections, copyright 1997 by Addison-Wesley Educational Publishers Inc. page 90.
- (4) Xem Roger H. Davidson và Walter J. Oleszek, Quốc hội và các thành viên, NXB CTQG, H. 2002, trang 184.
- (5) Xem Micheal G. Roskin, Robert L. Cord, James A. Medeiros, Walter S. Jones, Political Science - An introduction, Copyright 1991 by Prentice-Hall, Inc. page 157.
- (6) Rover H. Davidson và Water J. Oleszek, Quốc hội và các thành viên, NXB CTQG, H.2002, trang 184.